

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Năm báo cáo: 2017

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200580975,
- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 90.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 11 Võ Thị Sáu, Ngô Quyền, Hải Phòng
- Số điện thoại: 0225.3836379
- Số fax: 0225.3836151
- Website: www.vimadeco.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): VMS

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty được thành lập ngày 30/10/1992 với tên gọi Tổng Công ty Phát triển hàng hải theo quyết định số 2444/QĐ/TCCB-LĐ của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.
- Quyết định số 1195/QĐ/TCCB-LĐ ngày 16/6/1993 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước Công ty Phát triển hàng hải.
- Quyết định số 3562/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển DNNN Công ty Phát triển hàng hải, đơn vị thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty cổ phần với số vốn điều lệ là 40.000.000.000 đồng
- Ngày 01/6/2007 Công ty tăng vốn điều lệ lên 60.000.000.000 đồng.
- Ngày 11/2/2015 Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 90.000.000.000 đồng.
- Ngày 20/10/2015 Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - + Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
 - + Cho thuê kho, bãi

+ Đại lý và cho thuê container, rơ moóc

+ Sửa chữa vỏ container;

+ Dịch vụ logistics; Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuê hải quan; Dịch vụ vận tải đa phương thức

- Địa bàn kinh doanh (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất)

Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

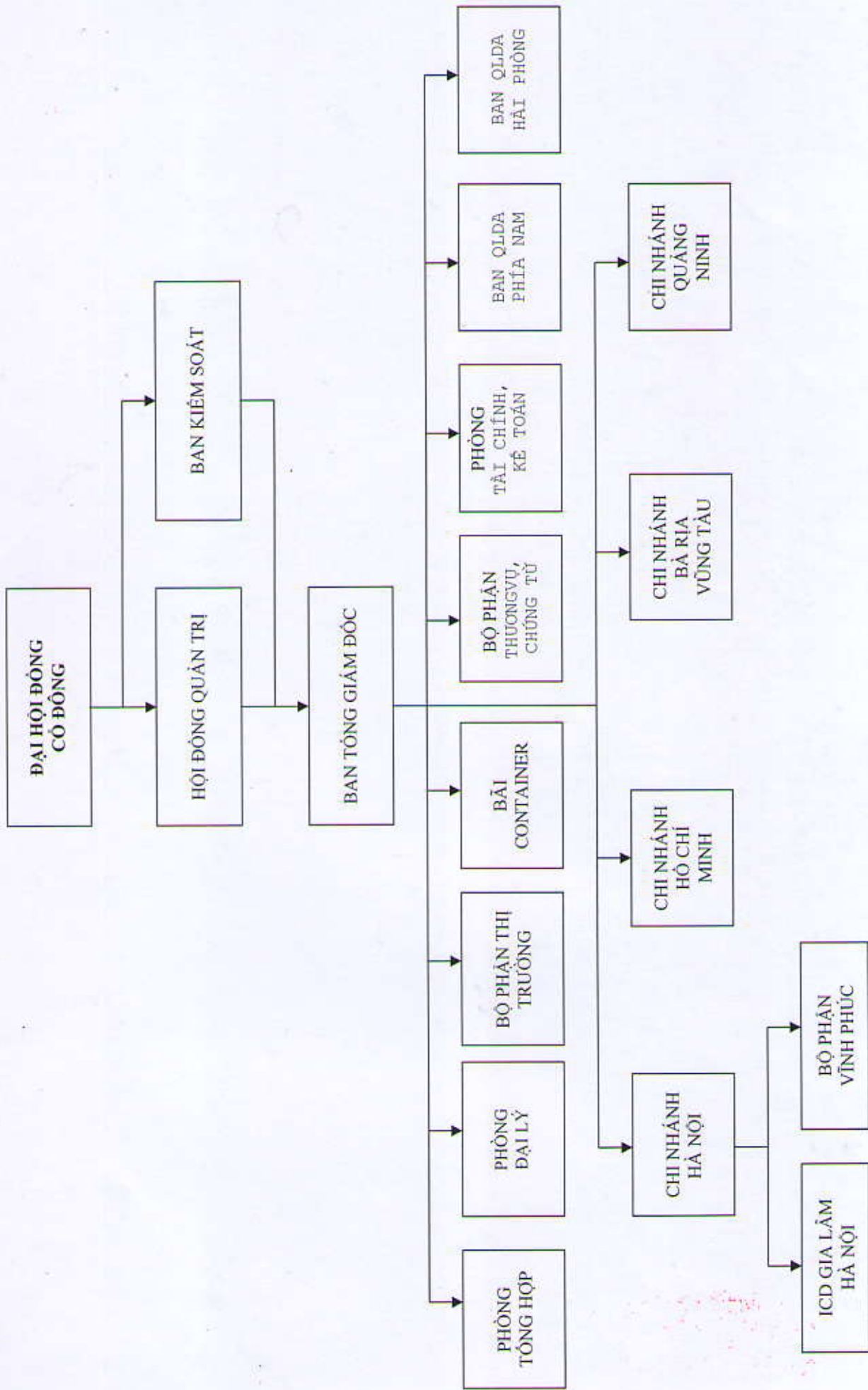
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị

Mô hình quản trị của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty.

Sơ đồ tổ chức:

Cơ cấu tổ chức của Công ty được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:



5. Các công ty con, công ty liên kết:

a/ Công ty cổ phần dịch vụ hàng hải Hải Âu:

Địa chỉ: tầng 7, tòa nhà Lê Phạm, số Lê Thánh Tông, quận Ngô Quyền, Tp.Hải Phòng

Loại hình Công ty: Công ty cổ phần

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Dịch vụ hàng hải

Vốn điều lệ: 22.400.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của doanh nghiệp tại Công ty liên kết: 24,01% vốn điều lệ (5.400.000.000 đồng)

6. Định hướng phát triển:

- Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ để tăng năng lực cạnh tranh, bám sát chiến lược phát triển tổng thể Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2016-2020, nắm bắt các cơ hội khi Việt Nam thực hiện các hiệp định thương mại; tăng cường phối kết hợp với các doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển, khai thác cảng biển và các doanh nghiệp cùng kinh doanh dịch vụ dưới sự chi đạo, điều tiết chung của Công ty Mẹ, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam để phát huy thế mạnh của từng doanh nghiệp trong dịch vụ chuỗi.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Tập trung, chuyển đổi và phân bổ lại nguồn lực để đầu tư CSHT, trang thiết bị, con người nhằm duy trì và phát triển các hoạt động kinh doanh chính như: kinh doanh khai thác kho bãi container, đại lý cho thuê và cho thuê container, giao nhận vận chuyển, đại lý và vận tải hàng hóa, cung cấp nhiên liệu, hình thành chuỗi dịch vụ logistics, hình thành các dịch vụ gia tăng từ các hoạt động kinh doanh chính; từng bước nâng cao vị thế và quy mô Công ty qua việc tăng vốn điều lệ cho doanh nghiệp phù hợp với nguồn lực và điều kiện của Công ty, đáp ứng các yêu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn nhằm thực hiện mục tiêu phát triển của Công ty cổ phần Phát triển hàng hải giai đoạn 2016-2020.

+ Đảm bảo và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cho hoạt động SXKD của Công ty, nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho người lao động.

Xây dựng đội ngũ cán bộ làm thị trường chuyên nghiệp, bài bản, có trình độ ngoại ngữ, đáp ứng được yêu cầu thị trường trong giai đoạn.

+ Thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa các doanh nghiệp thành viên Tổng công ty hình thành chuỗi cung ứng logistics dưới sự chi đạo, điều tiết chung của Tổng công ty để phát huy lợi thế của từng doanh nghiệp.

+ Nâng cấp hạ tầng thông tin và bộ nhận dạng thương hiệu, nỗ lực cải tiến công nghệ ứng dụng cho hoạt động SXKD và quản lý.

7. Các rủi ro:

* Nguyên nhân khách quan:

+ Việc Việt Nam ngày càng hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế toàn cầu mở ra cơ hội đối với các doanh nghiệp hoạt động logistics nói chung và Công ty nói riêng, tình hình kinh tế xã hội quốc tế và trong nước ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty.

+ Hoạt động kinh doanh tại phía Bắc của Công ty bị ảnh hưởng bởi chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu biên mậu, chịu ảnh hưởng từ chính sách về quy hoạch khai thác cảng biển của địa phương.

+ Là đơn vị kinh doanh dịch vụ, hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng do biến động của giá nhiên liệu. Trên thực tế, giá xăng dầu trong nước phụ thuộc hoàn toàn vào tình hình thế giới. Khi giá dầu thế giới và trong nước giảm, Công ty phải thực hiện giảm giá dịch vụ vận chuyển cho các khách hàng, tuy nhiên việc giảm giá nhiên liệu chưa có tác động đáng kể tới việc tiết kiệm chi phí kinh doanh cho Công ty, mặt khác khi giá dầu hồi phục Công ty không thể tăng giá dịch vụ để bù đắp chi phí do cạnh tranh và tình hình thị trường.

+ Xuất hiện tình trạng cung vượt cầu đối với các dịch vụ kho, bãi, vận chuyển đường bộ ... trong điều kiện chi phí đầu tư tạo CSHT và trang thiết bị luôn ở mức cao.

+ Sự suy giảm chung của thị trường do các doanh nghiệp mở rộng ngành nghề, tự cung tự cấp và tạo thêm chuỗi dịch vụ gia tăng.

* Nguyên nhân chủ quan:

+ Công tác hoạch định chiến lược và định hướng phát triển cho Công ty còn hạn chế; việc triển khai thực hiện các quyết định của Công ty còn chậm.

+ Hạn chế về năng lực nhân sự và chuyên môn; công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chưa có tính đột phá, trình độ ngoại ngữ của CBNV còn yếu.

+ Hạn chế trong công tác tìm kiếm, phát triển các dịch vụ mới, phản ứng với sự thay đổi của thị trường còn chậm.

+ Việc kịp thời đầu tư, mở rộng hệ thống cơ sở hạ tầng tại khu vực phía Nam, đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, ổn định và phát triển các dịch vụ tại khu vực này tạo yếu tố tích cực cho SXKD của Công ty.

+ Là một đơn vị có quy mô và vốn điều lệ nhỏ, năng lực tài chính hạn chế dẫn đến thiếu quyết liệt và mạnh dạn trong đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh. Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh không đồng bộ ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh trên thị trường.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

* Công ty bước vào thực hiện kế hoạch năm 2017 trong bối cảnh khó khăn, thách thức và cơ hội đan xen, nhìn chung tình hình kinh tế thế giới và trong nước không đạt các chỉ tiêu dự báo.

Diễn biến thị trường trong nước năm 2017 còn nhiều khó khăn và thách thức cho khối doanh nghiệp dịch vụ cũng như Công ty; các dịch vụ cốt lõi của Công ty là kinh doanh khai thác kho, bãi và ICD, đại lý, leasing container, giao nhận vận chuyển, cung cấp nhiên liệu nhìn chung đều suy giảm, thậm chí tại một số khu vực còn giảm rất sâu so với cùng kỳ năm trước, đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, bị cạnh tranh quyết liệt trên thị trường, dẫn đến hiệu quả hoạt động chung giảm sút rõ rệt so với cùng kỳ năm trước, không đạt kế hoạch do ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2017 giao.

* Đánh giá kết quả thực hiện năm 2017 theo hoạt động dịch vụ, có một số điểm chính như sau:

*. Hoạt động khai thác kho, bãi, leasing container là dịch vụ có tỷ suất lợi nhuận/ doanh thu cao và có lợi nhuận chiếm 79% lợi nhuận trước thuế của Vimadeco trong năm 2016, tuy nhiên dịch vụ này bị giảm sút nghiêm trọng trong năm 2017 tại Văn phòng Hải Phòng và Chi nhánh HCM. Nguyên nhân là do công tác lập kế hoạch chưa sát với tình hình thực tế của doanh nghiệp, công tác dự báo thị trường đối với dịch vụ khai thác container leasing chưa đúng.

Tại khu vực Hải Phòng, hoạt động khai thác kho bãi gặp khó khăn từ cuối năm 2016 khi hai khách hàng lớn nhất của Công ty là hãng tàu Heung-A liên doanh với Cảng Hải Phòng không còn sử dụng dịch vụ của Công ty cũng như việc hãng tàu Hanjin phá sản. Hãng tàu lớn còn lại là K'lines cũng đã gần như không sử dụng dịch vụ của Công ty do cấm đường để thi công cầu vượt tại ngã 3 Đình Vũ. Hoạt động chủ yếu của bãi container tại khu vực Hải Phòng trong năm 2017 là phục vụ một số hãng tàu nhỏ, lẻ, sản lượng thấp, không ổn định và làm hậu phương của các cảng Transvina và Viconship. Việc cung cấp dịch vụ cho các Cảng Transvina, Viconship chỉ bắt đầu từ T5/2017 và mang tính thời vụ, đơn giá thấp, sản lượng không ổn định và phụ thuộc rất nhiều vào phương án kinh doanh của các Cảng này. Từ 01/9/2017, Công ty Gemadep đã ngừng không thuê 3 ha bãi container Đông Hải, mặc dù đã rất tích cực tìm kiếm khách hàng cho thuê bãi nhưng do cấm đường, giao thông không thuận lợi nên đến cuối quý IV mới tìm được khách hàng thuê bãi.

*. Hoạt động khai thác container leasing tại khu vực Hải Phòng gặp khó khăn từ tháng 3/2017 do lượng container leasing liên tục giảm, không có sản lượng container về offhire tại bãi. Đến thời điểm cuối năm 2017, lượng container leasing ở trên bãi của khu vực Hải Phòng chỉ còn

khoảng 300 TEUS giảm 86% so với thời điểm đầu năm.

Doanh thu khai thác kho, bãi và container leasing tại khu vực Hải Phòng giảm mạnh, phát sinh chi phí nâng hạ phải trả cho cảng Transvina, Viconship là 50% doanh thu cung cấp dịch vụ cho 02 cảng này, chi phí quản lý tăng so với năm 2016 do phát sinh các chi phí phúc lợi, chi phí lương phép do không có nguồn chi như những năm trước.

*. Hoạt động khai thác ICD Gia Lâm của Chi nhánh Hà Nội tiếp tục gặp khó khăn do sự cạnh tranh quyết liệt của các ICD khác có quy mô lớn, được đầu tư bài bản như ICD Mỹ Đình, ICD Tiên Sơn...

Tại Chi nhánh Hồ Chí Minh, hoạt động sản xuất kinh doanh chính là cho thuê kho bãi và khai thác leasing container. Dịch vụ cho thuê kho, bãi vẫn duy trì được hiệu quả và có sự tăng trưởng về lợi nhuận do sản lượng container leasing giảm sâu, khai thác không hiệu quả nên từ 16/8/2017, Chi nhánh đã ngừng không khai thác 34.000 m² bãi Long Bình và cho Công ty Gemadept thuê lại để giảm chi phí khai thác, tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Đối với dịch vụ khai thác container leasing của Chi nhánh Hồ Chí Minh, năm 2017 là một năm cực kỳ khó khăn, sản lượng sụt giảm quá sâu. Nguyên nhân là do nguồn cung container leasing bị thiếu hụt xuất phát từ việc các hãng leasing trên thế giới không đầu tư được thêm container đóng mới, bên cạnh đó dịch vụ này bị mất khách hàng do bị cạnh tranh quyết liệt bởi các doanh nghiệp tư nhân có cơ chế linh hoạt và đầu tư bài bản quy mô cho CSHT. Sản lượng container leasing của Chi nhánh đến cuối năm 2017 còn trên dưới 500 TEUS giảm 94% so với thời điểm cuối năm 2016. Sản lượng container leasing giảm sâu bất thường làm cho hoạt động này gặp rất nhiều khó khăn, ảnh hưởng chủ yếu đến doanh thu và hoạt động của Chi nhánh.

Năm 2017 hoạt động khai thác kho, bãi và leasing container toàn Công ty thực hiện: 74,495 tỷ đồng đạt 78% so với kế hoạch và bằng 75% so với thực hiện năm 2016. Lợi nhuận thực hiện là - 2,608 tỷ đồng.

*. Hoạt động khai thác đội xe:

Doanh thu năm 2017 thực hiện là 9,333 tỷ đồng đạt 62% so với kế hoạch và bằng 94% so với thực hiện năm 2016. Lợi nhuận thực hiện là 114 triệu đạt 14% kế hoạch và bằng 38% so với thực hiện năm 2016. Nguyên nhân là khi xây dựng kế hoạch năm 2017, Công ty lập kế hoạch đầu tư 05 đầu kéo và rơ moóc cho khu vực Hải Phòng và hoạt động đội xe Chi nhánh HCM trong điều kiện bình thường, tuy nhiên do thời gian đầu tư 05 xe đầu kéo cho khu vực Hải Phòng kéo dài, được đưa vào khai thác từ đầu năm 2018 cùng với việc đội xe của Chi nhánh HCM ngừng hoạt động từ Q3/2017 do xe cũ, chi phí sửa chữa cao, không tuyển dụng được lái xe.

Bên cạnh đó sản lượng hàng vận chuyển lên ICD giảm mạnh nên trong năm 2017, đội xe của Công ty chủ yếu là vận chuyển thuê cho các đơn vị khác với giá cước rất thấp.

*. Hoạt động logistics:

Hoạt động logistics của Công ty chủ yếu là hoạt động giao nhận vận chuyển cho hàng Toyota Việt Nam của Chi nhánh Hà Nội và giao nhận vận chuyển hàng rời của Chi nhánh BRVT. Giữ được thị phần dịch vụ, doanh thu hoạt động giao nhận vận chuyển hàng Toyota Việt Nam dù giảm 32% so với thực hiện năm 2016 do sự cắt giảm sản lượng lắp ráp xe hơi trong nước và tăng cường nhập khẩu xe nguyên chiếc của TMV nhưng hiệu quả vẫn được duy trì; bên cạnh đó hoạt động giao nhận vận chuyển hàng rời của Chi nhánh BRVT có sự tăng trưởng 16% về doanh thu so với thực hiện năm 2016 nhưng do giá thuê tàu tăng, các chi phí đầu vào tăng trong năm 2017 nên hiệu quả giảm so với thực hiện năm 2016.

Doanh thu hoạt động logistics thực hiện: 71,251 tỷ đồng đạt 91% kế hoạch và bằng 94% so với thực hiện năm 2016.

Lợi nhuận thực hiện là: 1,341 tỷ đạt 130% kế hoạch và bằng 131% so với thực hiện năm 2016.

*. Hoạt động cung cấp nhiên liệu:

Hoạt động này có sự tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận do giá dầu tăng và sản lượng tại Chi nhánh BRVT tăng.

Doanh thu thực hiện là 56,213 tỷ đồng đạt 120% so với kế hoạch và bằng 114% so với thực hiện năm 2016. Lợi nhuận thực hiện 2,137 tỷ đồng đạt 164% kế hoạch và bằng 117% so với thực hiện năm 2016.

* Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2017 là 211,293 tỷ đồng đạt 90% kế hoạch năm và bằng 90 % so với thực hiện năm 2016.

Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2017: 985 triệu đồng đạt 8,5% kế hoạch và bằng 8% so với thực hiện năm 2016.

*. Hoạt động tài chính và thu nhập khác:

Doanh thu hoạt động tài chính là 3,370 tỷ chủ yếu là thu từ lãi tiền gửi và cổ tức nhận được từ Công ty liên kết.

Thu nhập khác là 1,899 tỷ đồng chủ yếu là khoản thu nhập từ mua bán container, khoản thu nhập khác này tăng cao do giá container tăng so với năm 2016.

Lợi nhuận hoạt động tài chính và thu nhập khác là 3,989 tỷ.

* Kết quả thực hiện các chỉ tiêu năm 2017 của toàn Công ty:

Tổng doanh thu là 216,562 tỷ đồng đạt 91,87% kế hoạch và bằng 93,08% so với thực hiện năm 2016.

Lợi nhuận trước thuế đạt 4,974 tỷ đồng đạt 29,25% kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác):

+ Ông Nguyễn Văn Dũng - Tổng giám đốc Công ty

Ngày sinh: 20/8/1966

Nơi sinh: Hải phòng

Số CMND: 030665504

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 40/96 Hai Bà Trưng, Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

+ Ông Nguyễn Chí Kiên – Phó Tổng giám đốc Công ty

Ngày sinh: 25/1/1963

Nơi sinh: Hải phòng

Số CMND: 030090579

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 38/120 Lê Lợi, Ngô Quyền, Hải Phòng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 49.500 CP (0.55%)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

+ Mai Tiến Sỹ – Phó Tổng giám đốc Công ty

Ngày sinh: 26/8/1969

Nơi sinh: Hải phòng

Số CMND: 024395033

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 76 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, TPHCM

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc Công ty

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 1.550 CP (0.0172%)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

+ Hoàng Thanh Hải – Phó Tổng giám đốc Công ty

Ngày sinh: 27/6/1975

Nơi sinh: Hải phòng

Số CMND: 031075003060

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: A9 Lô 12 ĐTM Định Công, Hà Nội

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc Công ty

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0 CP

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

+ Ông Đậu Anh Dũng – Kế toán trưởng Công ty

Ngày sinh: 23/01/1982

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 040082000183

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 6/44 Lê Lai Ngô Quyền Hải Phòng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 1.125 CP (0.0125%)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Trưởng BKS Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm):

Ngày 06/01/2017, HĐQT đã bổ nhiệm Ông Hoàng Thanh Hải làm Phó Tổng giám đốc

Công ty

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Công ty đảm bảo đời sống và thu nhập cho CBCNV, thực hiện trả lương đúng và đủ cho người lao động. Số lao động tại thời điểm 31/12/2017 là: 198 người, thu nhập bình quân người lao động đạt 9.700.000 đồng/ người/ tháng. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động, trích nộp BHXH, BHYT, BHTN đúng theo quy định hiện hành.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2017, nhìn chung kết quả thực hiện công tác đầu tư, xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị của Công ty thấp hơn nhiều so với kế hoạch đề ra do một số khó khăn như sau:

- Công tác XD CB thực hiện được một phần theo kế hoạch năm, bao gồm:

+ Thị trường khai thác container tại Hải Phòng sụt giảm, tại bãi container Chùa Vẽ, Công ty đã phải tiến hành mở công phụ, làm lớp mặt đường nội bộ bằng nhựa bán thâm nhập, sửa chữa duy tu một số vị trí để đảm bảo đủ điều kiện hợp tác kinh doanh với cảng Transvina khai thác hàng

chuyển tải.

+ Do tình hình sản xuất kinh doanh nói chung của Công ty không đạt kế hoạch đề ra nên Công ty chưa tiến hành sửa chữa, nâng cấp văn phòng làm việc tại 11 Võ Thị Sáu - Hải Phòng.

+ Năm 2017, thị trường khai thác container leasing tại Tp.Hồ Chí Minh sụt giảm nghiêm trọng nên công tác duy tu, sửa chữa các bãi container tại Tp.Hồ Chí Minh cũng tiết giảm, chi thực hiện chưa đến 50% dự toán sửa chữa, cùng với đó, việc cho thuê kho tại bãi Nam Hòa 1 với Hải Quan cũng có nhiều vướng mắc nên không tiến hành duy tu, sửa chữa kho.

+ Hợp đồng nâng cấp hạ tầng thông tin của Công ty mới tạm ứng 50% giá trị hợp đồng, chưa nghiệm thu, thanh lý.

- Về đầu tư mua sắm trang thiết bị:

+ Công ty đã thực hiện đầu tư 05 xe container theo kế hoạch, do thị trường xe container giảm giá mạnh nên không sử dụng hết dự toán đã được phê duyệt.

+ Cũng do thị trường khai thác container leasing và vận tải đường bộ tại Tp.Hồ Chí Minh sụt giảm nghiêm trọng nên Công ty tạm thời chưa đầu tư 01 xe nâng container rộng và 02 xe container khai thác tại Chi nhánh HCM.

+ Chưa đầu tư 01 xe tải nhỏ phục vụ kinh doanh xăng dầu tại chi nhánh BRVT.

- Về các dự án đầu tư:

+ Thực hiện thi công láng nhựa mặt bãi giai đoạn 3 dự án đầu tư Depot Long Bình, hoàn thành việc đầu tư dự án.

+ Hoàn thành việc đầu tư 01 trạm kinh doanh xăng dầu tại Chi nhánh BRVT.

+ Thuê tư vấn lập Phương án sắp xếp di dời ICD Phước Long theo yêu cầu của UBND Tp.Hồ Chí Minh tại quyết định thuê đất.

+ Tạm ứng hợp đồng dịch vụ tư vấn việc truy thu tiền sử dụng đất thuộc lộ giới ICD Phước Long.

+ Các dự án Khu chung cư phức hợp Phước Long A (Blue Ocean), khu nhà ở Phước Bình không có tiến triển, Công ty chủ yếu thực hiện công tác nghiên cứu, lựa chọn đối tác hợp tác đầu tư theo ý kiến chỉ đạo của Tổng công ty.

+ Do nguồn cung kho bãi container tại khu vực Đình Vũ đã vượt nhu cầu thực tế rất xa, sự cạnh tranh diễn ra khốc liệt và giá đất tăng cao nên Công ty chưa tiếp tục triển khai dự án Bãi container Đình Vũ-Hải Phòng.

+ Chưa đầu tư Depot tại khu vực Tp.Hồ Chí Minh và chưa đầu tư cơ sở vật chất tại Chi nhánh Hà Nội do chưa thực hiện được việc chuyển đổi các khu đất, khả năng tài chính hạn hẹp.

Một số vấn đề liên quan đến dự án năm 2017:

*** Về việc chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất tại ICD Gia Lâm:**

Theo quy định tại NĐ68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 có hiệu lực thi hành từ 01/7/2016 và Đề án “Quản lý và phát triển hoạt động logistics trên địa bàn TP Hà Nội đến năm 2025” của TP Hà Nội, ICD Gia Lâm sẽ phải dừng khai thác và được thay thế bằng ICD Cổ Bi trong tương lai gần. Trong khi đó, hồ sơ pháp lý khu đất ICD Gia Lâm của Công ty là hợp đồng thuê đất không có thời hạn và trả tiền thuê đất hàng năm, khó triển khai phương án kinh doanh thay thế.

Căn cứ vào điều kiện thực tế khai thác, để tạo nguồn lực tái đầu tư cho hoạt động SXKD của Công ty, sau khi rà soát quy định hiện hành của Nhà nước và qua tham vấn đơn vị tư vấn pháp lý; với sự thống nhất của HĐQT Công ty, NĐDPV của Tổng công ty tại Công ty đã có tờ trình số 106/PTHH-TH ngày 03/7/2017, báo cáo bổ sung số 162/PTHH-TH ngày 12/10/2017 báo cáo Tổng công ty xin chủ trương chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất tại ICD Gia Lâm thông qua hình thức đấu giá.

*** Các dự án tại ICD Phước Long, Khu chung cư Phúc hợp Blue Ocean và Khu nhà ở Phước Bình tại quận 9, Tp.Hồ Chí Minh:**

- Khu đất ICD Phước Long không còn phù hợp với quy hoạch của Thành phố nên UBND Tp.Hồ Chí Minh chỉ cho Công ty thuê đất không thời hạn và trả tiền thuê đất hàng năm tại ICD Phước Long; thực hiện quy định của UBND Tp.Hồ Chí Minh, tháng 11/2017 Công ty đã lập phương án di dời báo cáo UBND Thành phố. Với năng lực và kinh nghiệm của Công ty, việc tự thực hiện chuyển đổi công năng khu đất này là rất khó khăn.

- Với 2 dự án Khu chung cư Phúc hợp Blue Ocean và Khu nhà ở Phước Bình việc xét công nhận Công ty là nhà đầu tư thứ cấp vẫn đang bế tắc do chủ đầu tư chính của dự án là Công ty cổ phần Địa ốc 10 không triển khai được các bước tiếp theo của dự án vì vậy quy hoạch chi tiết 1/500 cho hai dự án trên chưa được thực hiện theo Hợp đồng đã ký từ năm 2010.

- Theo đề xuất của Công ty, Tổng công ty đã chấp thuận chủ trương cho Công ty tìm kiếm đối tác có đủ năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu thực hiện các dự án tại Tp.Hồ Chí Minh phù hợp quy định hiện hành của Nhà nước.

- Theo chủ trương và chỉ đạo của HĐQT về việc chuyển đổi các dự án tại khu vực phía Nam, quý 1/2017 HĐQT và Ban QLDAPN đã thu thập hồ sơ năng lực, đề xuất hợp tác (về tài chính, tiến độ, nghĩa vụ ...) từ các nhà đầu tư là Liên danh An Phú/ Ngọc Việt, Công ty TNHH Hưng Thịnh, Công ty Gemadept, Công ty Thái Anh, ...

Trên cơ sở đó HĐQT đã làm thủ tục mở hồ sơ, sơ bộ đánh giá và cùng BDH, Ban

QLDAPN làm việc với các nhà đầu tư để xem xét lựa chọn đối tác hợp tác đầu tư và báo cáo Tổng công ty xin phê duyệt chủ trương thực hiện theo quy định.

Theo quyết định phê duyệt lựa chọn đối tác hợp tác đầu tư và chấp thuận của HĐQT, ngày 16/8/2017 Công ty đã ký Thỏa thuận nguyên tắc với Liên danh An Phú/ Ngọc Việt về việc hợp tác đầu tư các dự án phía Nam để có cơ sở báo cáo Tổng công ty xin phê duyệt chủ trương thực hiện.

*** Việc truy thu số tiền là lợi nhuận sau thuế từ việc cho thuê bãi container tại Tp. Hồ Chí Minh:**

Trong quá trình thanh tra việc quản lý sử dụng đất của Công ty tại các dự án thuộc dự án Bắc Rạch Chiếc, ngày 11/7/2017 Thanh tra Tp. Hồ Chí Minh ra QĐ 191/TTTP-P4 thu hồi số tiền 9.323.195.385 đồng là lợi nhuận sau thuế từ việc cho thuê bãi container Nam Hòa 1; đến ngày 25/7/2017 Công ty đã nộp một phần số tiền trên là 2.796.958.616 đồng vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra thành phố.

*** Việc truy thu tiền sử dụng đất thuộc lộ giới tại ICD Phước Long:**

Trong quá trình làm thủ tục gia hạn hợp đồng thuê đất tại ICD Phước Long, Sở Tài nguyên Môi trường và Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Chi cục Thuế quận 9 truy thu Công ty tiền sử dụng đất thuộc lộ giới ICD Phước Long với diện tích 9.132m² từ năm 2004 đến nay.

Ngày 07/9/2017 Chi cục Thuế quận 9 có Thông báo số 7594/TB-TTĐ yêu cầu Công ty phải nộp số tiền thuê đất thuộc lộ giới tính từ 2004 đến nay là 4.964.031.155 đồng.

Công ty đã ký HĐ tư vấn với đơn vị tư vấn pháp lý để làm việc với cơ quan thuế xin miễn giảm số tiền truy thu trên.

*** Việc giải quyết đền bù lộ giới mở rộng Xa lộ Hà Nội, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh:**

Công ty đã phối hợp với đơn vị tư vấn làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước kiến nghị xem xét bồi thường nhưng chưa có kết quả.

b) Các công ty con, công ty liên kết (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/

Công ty cổ phần Phát triển Hàng hải chiếm 24,01% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu.

Hoạt động chính của Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu là dịch vụ hàng hải

Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh như sau:

Doanh thu:	58.289.832.429 đồng
Lợi nhuận sau thuế:	8.486.975.740 đồng
Nộp NSNN:	2.132.236.301 đồng

Doanh thu tăng 20,53% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận sau thuế bằng 74,63% so với cùng kỳ năm trước.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	243.342.971.596	248.194.130.631	2%
Doanh thu thuần	231.198.437.685	214.663.584.223	-7,15%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/	-2.349.662.902	3.964.617.396	
Lợi nhuận khác	544.293.428	1.010.274.859	85,61%
Lợi nhuận trước thuế	-1.805.329.474	4.974.892.255	
Lợi nhuận sau thuế	-1.239.092.692	4.353.208.723	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2.16	2.27	
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	2.08	2.20	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.2	0.2	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.35	0.34	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình	47,49	60,72	

quân Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.95	0.36	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ + Hệ số Lợi nhuận sau thuế + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0.0088 -0.005 -0,01	0.030 0.017 0,018	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 9.000.000 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông (tại ngày 22/5/2017):

STT	Cổ đông	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số lượng CP nắm giữ
1	Cổ đông trong nước		
	Tổ chức	52,88	4.759.850
	Cá nhân	46,10	4.148.148
2	Cổ đông nước ngoài		
	Tổ chức	1,02	92.000
	Cá nhân		0
3	Cổ phiếu quỹ		2

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v:

Không thay đổi

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch:

Không thay đổi

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu

số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán:

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty):

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	2017		Tỷ lệ % so với KH	Tỷ lệ % so với cùng kỳ năm trước
		Kế hoạch	Thực hiện		
Doanh thu	239.107	235.720	216.562	91,87	93,08
Lợi nhuận trước thuế	417	17.000	4.974	29,25	
Nộp NSNN	Theo quy định	Theo quy định	Theo quy định		

Triệu đồng

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Tổng tài sản đầu kỳ của Công ty là: 243.342.971.596 đồng trong đó tài sản ngắn hạn là: 106.959.083.177 đồng và tài sản dài hạn là: 136.383.888.419 đồng.

Tổng tài sản cuối kỳ của Công ty là: 248.194.130.631 đồng trong đó tài sản ngắn hạn là: 113.596.120.420 đồng và tài sản dài hạn là: 134.598.010.211 đồng.

Tổng tài sản cuối kỳ giảm 1,99% so với đầu kỳ trong đó: Tài sản ngắn hạn tăng 6,2% do các khoản tiền và tương đương tiền cuối kỳ tăng, tài sản dài hạn giảm 1,3% do khấu hao TSCĐ

b) Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Nợ phải trả của Công ty đầu kỳ là: 101.886.679.622 đồng trong đó nợ ngắn hạn là: 49.442.695.396 đồng và nợ dài hạn là: 52.443.984.226 đồng.

Nợ phải trả cuối kỳ của Công ty là: 102.454.720.990 đồng trong đó nợ ngắn hạn là: 50.113.084.401 đồng và nợ dài hạn là 52.341.636.589 đồng.

Nợ phải trả ngắn hạn cuối kỳ tăng nhẹ 1,36% so với đầu kỳ chủ yếu là do phải trả ngắn hạn khác tăng trong khi các khoản phải trả khách hàng, người lao động và các khoản phải nộp Nhà nước giảm.

Nợ dài hạn cuối kỳ giảm nhẹ so với số đầu kỳ.

Công ty không có khoản nợ phải trả xấu, chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái không ảnh hưởng

đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty không có các khoản vay nên không bị ảnh hưởng bởi chênh lệch lãi vay.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Công ty sẽ tập trung mọi nguồn lực, đoàn kết chi đạo điều hành, nỗ lực cố gắng để tập trung phát triển thị trường, giữ vững các khách hàng truyền thống, tìm kiếm và phát triển thêm các khách hàng mới đặc biệt là các khách hàng cho dịch vụ kho, bãi container và vận tải đường bộ.

Được sự quan tâm và hỗ trợ của Trung tâm Môi giới Vận tải và Logistics Tổng công ty, Công ty sẽ phối hợp với các Doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty để cung cấp dịch vụ liên quan cho các khách hàng như Thép Hòa Phát Dung quất, VNPost ...

- Duy trì chất lượng dịch vụ, tăng năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường; từng bước tái cơ cấu lại hoạt động dịch vụ; tìm kiếm, lựa chọn các cơ hội kinh doanh mới và phát triển các dịch vụ phi truyền thống có doanh thu và lợi nhuận ổn định để từng bước thay thế các dịch vụ truyền thống không còn thuận lợi.

- Thường xuyên và tích cực trong công tác thu hồi công nợ, đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh và quản lý.

- Đẩy mạnh việc hợp tác đầu tư các dự án chuyển đổi công năng theo phê duyệt của Tổng công ty để tập trung nguồn lực cho công tác đầu tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)

Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần):

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Công ty bước vào thực hiện kế hoạch năm 2017 trong bối cảnh khó khăn, thách thức và cơ hội đan xen; nhìn chung tình hình kinh tế, thị trường trong nước còn nhiều khó khăn và thách thức cho khối doanh nghiệp; các dịch vụ cốt lõi của Công ty là kinh doanh khai thác kho, bãi và ICD, đại lý, leasing container, giao nhận vận chuyển, cung cấp nhiên liệu nhìn chung đều suy giảm, thậm chí tại một số khu vực còn giảm sâu so với cùng kỳ năm trước, đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, bị cạnh tranh quyết liệt trên thị trường.

Diễn biến thị trường tại các lĩnh vực hoạt động cốt lõi của Công ty nhìn chung đều khó khăn và bị cạnh tranh quyết liệt. Sản lượng container leasing tại khu vực TP. Hồ Chí Minh từ tháng 3 năm 2017 liên tục giảm sâu, gần như không có container về offhire tại các bãi của Công ty

tại TP. Hồ Chí Minh. Ngoài ra, hoạt động đem lại hiệu quả cao, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận của Công ty là hoạt động khai thác kho, bãi container tại khu vực Hải Phòng gặp khó khăn từ tháng 9 năm 2016 do sự phá sản của hãng tàu Hanjin, sự liên doanh của Heung-A với Cảng Hải Phòng và tiếp tục khó khăn trong năm 2017. Thị trường hoạt động kho bãi của Công ty tại khu vực Hải Phòng bị thu hẹp do sự dịch chuyển khai thác của các hãng tàu nước ngoài, sự liên doanh của các hãng tàu nước ngoài, sự mở rộng đầu tư của các Cảng biển sang hoạt động khai thác kho bãi container để khép kín dịch vụ. Vị trí kho bãi của Công ty không còn đáp ứng được yêu cầu của các hãng tàu trong và ngoài nước nên rất khó khăn trong công tác phát triển thị trường.

- Thị trường vận tải bộ tiếp tục suy giảm về giá cước và nguồn hàng.
- Giá dầu thế giới tiếp tục biến động theo xu hướng tăng giảm thất thường cùng với sự cạnh tranh dịch vụ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động chung của toàn Công ty.
- Từ các yếu tố trên, có thể nói hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2017 đã gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng bất lợi đến kết quả thực hiện của Công ty và Công ty không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã giao.
- Công ty đảm bảo việc làm, đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Luôn tạo điều kiện đầy đủ cho các đoàn thể hoạt động về thời gian và kinh phí, CBCNV trong Công ty và các Chi nhánh yên tâm công tác và phấn đấu để hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.
- Công tác môi trường, an sinh – xã hội được thực hiện tốt theo đường lối, chính sách của Nhà nước, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam và địa phương.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty:

- Ban điều hành luôn thống nhất và đoàn kết cao.
- Ban điều hành đã linh hoạt, chủ động trong việc chỉ đạo, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban điều hành đã quan tâm, chỉ đạo kịp thời các Chi nhánh, tạo sự gắn kết giữa các Chi nhánh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Trong thời gian tới, Ban điều hành sẽ tạo sự gắn kết trong công tác phát triển thị trường giữa các Chi nhánh để tạo hiệu quả cao nhất trong hoạt động.
- Ban điều hành sẽ tập trung giải quyết dứt điểm những vấn đề còn tồn đọng, đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Ban điều hành đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Quản trị doanh nghiệp là tiêu chí quan trọng nhất của Công ty do đó trong thời gian tới phải đẩy mạnh thực hiện Quy chế phối hợp công tác giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc;
- Công ty cần tiếp tục kiện toàn tổ chức và bộ máy quản lý theo hướng thật gọn nhẹ, lựa chọn nguồn nhân lực có trình độ, năng lực, kinh nghiệm thực tế để thúc đẩy hoạt động SXKD của Công ty.
- Công ty cần chuẩn bị và tập trung mọi nguồn lực để tổ chức thực hiện thành công các dự án lớn trong thời gian tới.

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này):

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chức danh khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác:

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các Công ty khác
1	Lê Quang Trung	Chủ tịch	0%	0
2	Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên	0%	1
3	Nguyễn Chí Kiên	Ủy viên	0,55%	0
4	Vũ Trường Giang	Ủy viên	1,036%	0
5	Trịnh Thị Ngọc Biển	Ủy viên	0%	0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban: Không có tiểu ban thuộc HĐQT)

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ.

Hội đồng quản trị họp định kỳ để tổng kết công tác hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra phương hướng kế hoạch cho thời gian tới.

Hội đồng quản trị hiện nay của Công ty có 05 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm.

Hội đồng quản trị giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

Hàng quý, năm Hội đồng quản trị tổ chức họp để kiểm điểm, đánh giá các công tác hoạt động sản xuất kinh doanh và đề ra phương hướng cho kế hoạch tiếp theo.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp

Trong năm 2017, HĐQT Công ty đã tổ chức họp 05 cuộc họp và đã quyết định các vấn đề quan trọng như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Quyết định số 01/QĐ-HĐQT	06/01/2017	QĐ bổ nhiệm Ông Hoàng Thanh Hải – PTGD Công ty
2	Quyết định số 24/QĐ-HĐQT	21/2/2017	Quyết định phê duyệt phương án đầu tư trạm kinh doanh xăng dầu
3	Quyết định số 34/QĐ-HĐQT	8/5/2017	Quyết định phê duyệt phương án đầu tư 05 đầu kéo container
4	Quyết định số 44/ QĐ-PTHH	15/6/2017	QĐ bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Dũng – TGD Công ty
5	Quyết định số 45/QĐ-PTHH	16/6/2017	NQ về việc lựa chọn đối tác hợp tác đầu tư 3 dự án tại TP HCM bằng cách góp vốn thành lập pháp nhân mới
6	Quyết định số 46/QĐ-PTHH	28/6/2017	QĐ cử người đại diện phần vốn góp của Công ty tại Công ty Hải Âu
7	Nghị quyết số 50/NQ-PTHH	06/7/2017	Nghị quyết về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2017

8	Quyết định số 69/QĐ-PTHH	31/8/2017	Quyết định phê duyệt điều chỉnh phương án đầu tư 05 xe container
9	Quyết định số 70/QĐ-PTHH	31/8/2017	Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đầu tư 05 xe container phục vụ khai thác tại khu vực Hải Phòng
10	Nghị quyết số 72/NQ-PTHH	31/8/2017	Nghị quyết về việc thanh lý TSCĐ
11	Nghị quyết số 80/NQ-PTHH	22/9/2017	Nghị quyết về việc phát hành bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng
12	Quyết định số 88/QĐ-PTHH	19/10/2017	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu đầu tư 05 đầu kéo container
13	Nghị quyết số 94/NQ-PTHH	31/10/2017	Nghị quyết chấp thuận chủ trương việc ký các hợp đồng dịch vụ với Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán TND
14	Nghị quyết số 95/NQ-PTHH	31/10/2017	Nghị quyết về việc thanh lý TSCĐ

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm
Các thành viên HĐQT sau đã hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng quản lý Crestcom

- Ông Lê Quang Trung - Chủ tịch HĐQT Công ty
- Ông Nguyễn Văn Dũng - Ủy viên HĐQT kiêm TGD Công ty

- Bà Trịnh Thị Ngọc Biển - Ủy viên HĐQT Công ty

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành):

STT	Thành viên BKS	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Tạ Kim Chi	Trưởng ban	0,013%
2	Dương Thu Hiền	Ủy viên	0 %
3	Vũ Xuân Trường	Ủy viên	0,2725%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp):

- Ban kiểm soát Công ty luôn giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị của Công ty về kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty. Thường xuyên duy trì việc trao đổi và đánh giá tình hình hoạt động của Công ty với Ban điều hành Công ty.

- Xem xét các báo cáo tài chính của Công ty; Thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

- Trong năm 2017, Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu đơn thư khiếu nại nào.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ)

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Công ty là 3.293.851.215 đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên

Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên):

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Vũ Trường Giang	Thành viên HĐQT	93.210	1,035	48.210	0,53	Bán

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên):

Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty):

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành của Ban Tổng giám đốc và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành.

VI. Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty cổ phần Phát triển hàng hải**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nhưng lưu ý người đọc đến Thuyết minh 35 của báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đến việc số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 đã được điều chỉnh lại.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-203-TH

Trần Anh Quân
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0339-2018-007-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

(Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND (đã điều chỉnh lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		113.596.120.420	106.959.083.177
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	58.244.094.333	43.448.521.804
Tiền	111		13.244.094.333	17.348.521.804
Các khoản tương đương tiền	112		45.000.000.000	26.100.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.954.900.000	8.725.400.000
Chứng khoán kinh doanh	121	6(b)	967.760.500	967.760.500
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6(b)	(612.860.500)	(642.360.500)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	3.600.000.000	8.400.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46.384.282.170	48.928.804.300
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	41.251.906.562	46.502.636.921
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.773.269.312	2.652.551.600
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	2.739.867.768	3.064.949.361
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.380.761.472)	(3.291.333.582)
Hàng tồn kho	140	10	3.251.917.831	4.269.407.421
Hàng tồn kho	141		3.251.917.831	4.269.407.421
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.760.926.086	1.586.949.652
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		447.803.414	321.354.832
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		121.832.605	49.459.278
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17(a)	1.191.290.067	1.216.135.542

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND (đã điều chỉnh lại)
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		134.598.010.211	136.383.888.419
Các khoản phải thu dài hạn	210		32.903.430.411	33.863.030.708
Trả trước cho người bán dài hạn	212	11	31.036.813.597	31.472.266.332
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	1.866.616.814	2.390.764.376
Tài sản cố định	220		36.355.644.771	28.284.473.536
Tài sản cố định hữu hình	221	12	36.355.644.771	28.284.473.536
<i>Nguyên giá</i>	222		127.029.303.797	117.235.150.343
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(90.673.659.026)	(88.950.676.807)
Tài sản dở dang dài hạn	240		42.287.570.127	49.573.783.826
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	42.287.570.127	49.573.783.826
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(c)	17.661.481.220	17.994.721.833
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		5.400.000.000	5.400.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33.594.424.002	33.594.424.002
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(21.332.942.782)	(20.999.702.169)
Tài sản dài hạn khác	260		5.389.883.682	6.667.878.516
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	5.381.417.085	6.100.717.734
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	8.466.597	567.160.782
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		248.194.130.631	243.342.971.596

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND (đã điều chỉnh lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		102.454.720.990	101.886.679.622
Nợ ngắn hạn	310		50.113.084.401	49.442.695.396
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	16.430.959.013	22.258.858.718
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		322.890.348	50.480.475
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(b)	4.347.657.638	6.894.074.085
Phải trả người lao động	314		138.358.610	2.797.939.551
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	727.319.337	3.751.120.107
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		64.145.454	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	19(a)	28.081.754.001	13.690.222.460
Nợ dài hạn	330		52.341.636.589	52.443.984.226
Phải trả dài hạn khác	337	19(b)	52.341.636.589	52.443.984.226
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		145.739.409.641	141.456.291.974
Vốn chủ sở hữu	410	20	145.739.409.641	141.456.291.974
Vốn cổ phần	411	21	90.000.000.000	90.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>90.000.000.000</i>	<i>90.000.000.000</i>
Thặng dư vốn cổ phần	412	20	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415	21	(20.000)	(20.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	16.830.983.651	16.830.983.651
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.908.445.990	14.625.328.323
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		<i>14.555.237.267</i>	<i>15.864.421.015</i>
- <i>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối năm nay</i>	<i>421b</i>		<i>4.353.208.723</i>	<i>(1.239.092.692)</i>
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		248.194.130.631	243.342.971.596

BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	211.293.215.551	228.292.809.851
Giá vốn hàng bán	11	25	197.444.504.326	202.772.429.658
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		13.848.711.225	25.520.380.193
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3.370.268.672	2.905.627.834
Chi phí tài chính	22	27	390.811.488	19.457.321.824
Chi phí bán hàng	25		603.605.457	198.200.724
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	12.259.945.556	11.120.108.381
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		3.964.617.396	(2.349.622.902)
Thu nhập khác	31	29	1.899.045.776	1.448.427.558
Chi phí khác	32		888.770.917	904.134.130
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.010.274.859	544.293.428
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.974.892.255	(1.805.329.474)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	62.989.347	924.000
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	31	558.694.185	(567.160.782)
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.353.208.723	(1.239.092.692)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	32	484	(139)

**BẢNG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)**

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND (đã điều chỉnh lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		4.974.892.255	(1.805.329.474)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		5.595.484.714	5.853.739.297
Các khoản dự phòng	03		393.168.503	19.674.580.214
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		37.519.099	(185.312.569)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(4.390.422.981)	(3.398.992.735)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		6.610.641.590	20.138.684.733
Biến động các khoản phải thu	09		3.147.358.824	(601.416.140)
Biến động hàng tồn kho	10		1.017.489.590	(2.674.939.293)
Biến động các khoản phải trả	11		3.337.814.003	3.812.219.479
Biến động chi phí trả trước	12		501.331.111	1.003.605.294
			14.614.635.118	21.678.154.073
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(3.905.920.141)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		437.652.363	203.423.322
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(28.982.482)	(1.979.107.861)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15.023.304.999	15.996.549.393
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(6.765.402.536)	(8.524.725.412)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		1.602.909.091	923.418.182
Gửi tiền vào tiền gửi có kỳ hạn	23		-	(8.400.000.000)
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24		4.800.000.000	10.457.558.333
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(1.800.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	1.104.067.700
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		3.435.500.743	2.461.668.220

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.073.007.298	(3.778.012.977)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả cổ tức	36		(3.254.000.000)	(7.545.997.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.254.000.000)	(7.545.997.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		14.842.312.297	4.672.538.816
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5	43.448.521.804	38.635.046.676
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(46.739.768)	140.936.312
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	58.244.094.333	43.448.521.804

Hải Phòng, ngày 17 tháng 4 năm 2018
 Người đại diện trước pháp luật của Công ty
 Tổng giám đốc



Nguyễn Văn Dũng